

lực tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định còn tồn tại nhiều hạn chế, như giảng dạy thiếu tính thực tiễn, chương trình học lạc hậu, phương pháp đánh giá chưa toàn diện, và cơ sở vật chất hạn chế. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng phát triển năng lực thực tế của sinh viên, đồng thời giảng viên thiếu kinh nghiệm và đào tạo về phương pháp này.

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, trường cần cải tiến chương trình học, áp dụng phương pháp giảng dạy và đánh giá tích cực, tăng cường đào tạo giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất, và hợp tác với doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tế cho sinh viên. Cùng với đó, sinh viên cần phát triển kỹ năng mềm, như giao tiếp, làm việc nhóm và tự học, nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và nâng cao hiệu quả học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn*

diện Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

2. Hoàng Hòa Bình (2015), Năng lực và đánh giá theo năng lực, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(71): 21-31.

3. Đặng Thành Hưng (2001), *Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở Phương Tây*, Viện khoa học Giáo dục.

4. Nguyễn Trọng Khanh (2011), *Phát triển năng lực tư duy kỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm.

5. Trần Thị Tuyết Oanh và Nguyễn Thị Kim Liên (2019), Thiết kế bài dạy trên lớp theo định hướng phát triển năng lực người học trong giảng dạy tâm lý học và giáo dục học tại trường đại học, *Tạp chí Khoa học - Đại học Quảng Nam*, 2019 - no.15 - tr.40-50.

6. Vũ Trọng Nghị (2009), Đào tạo theo TCNL thực hiện, *Tạp chí Giáo dục*, số 41.

Kỹ năng làm việc nhóm cũng đồng thời rèn luyện khả năng giao tiếp, kết nối và xây dựng mối quan hệ. Việc làm việc nhóm khuyến khích sự trao đổi ý tưởng qua các buổi thảo luận, họp nhóm, từ đó giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm giao tiếp cơ bản và cải thiện kỹ năng thuyết trình trước đám đông.

Đồng thời, việc xác định mục tiêu học tập rõ ràng là bước quan trọng giúp sinh viên định hướng và tập trung vào việc phát triển năng lực cá nhân. Kỹ năng này giúp sinh viên biết cách đặt ra mục tiêu cụ thể, có thể đo lường và đạt được, từ đó tạo động lực học tập và nâng cao hiệu quả trong quá trình học tập.

Đối với sinh viên đại học, việc xác định mục tiêu học tập còn có ý nghĩa quan trọng hơn nữa, vì nó giúp họ duy trì sự chủ động và tự giác trong việc tiếp thu kiến thức và phát triển kỹ năng. Nếu thiếu mục tiêu rõ ràng, sinh viên sẽ dễ dàng cảm thấy lạc lõng, mất phương hướng và khó có thể đạt được thành công trong học tập.

Sau đây là những cách thức hiệu quả giúp sinh viên xác định và duy trì mục tiêu học tập, đồng thời phát triển phương pháp học phù hợp với khả năng cá nhân:

- + Xác định rõ ràng những mục tiêu, kỳ vọng cá nhân, tạo cơ sở vững

chắc để xây dựng kế hoạch học tập và phát triển bền vững.

- + Liệt kê danh sách các mục tiêu cần thực hiện;

- + Nêu ra những lý do kèm lợi ích khi đạt mục tiêu;

- + Lên kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết;

- + Thực hiện mỗi ngày, ghi chép lại tiến trình;

- + Tự thưởng cho bản thân;

- + Tìm sự hỗ trợ.

Áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực trong giáo dục nghề nghiệp không chỉ giúp sinh viên đạt được những kỹ năng và mục tiêu học tập thiết yếu mà còn tạo điều kiện để họ tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, tự học và tự nghiên cứu. Những cơ hội này giúp sinh viên tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo và đổi mới, đồng thời nâng cao sự tự tin và phát triển toàn diện về nhân cách. Đây là yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển giáo dục nghề nghiệp, khai thác tối đa tiềm năng và phẩm chất của người học, đồng thời khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong thời đại mới.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp giảng dạy theo tiếp cận năng

định hướng nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, thuận lợi và khó khăn trong quá trình học tập cũng như nội dung cốt lõi của ngành sinh viên theo học.

Nhờ đó, sinh viên sẽ nắm vững những kiến thức nền tảng về ngành học, đồng thời trang bị đầy đủ kỹ năng thiết yếu để tự tin tiếp cận sau khi ra trường. Bên cạnh đó, khi sinh viên nhận thấy được sự cần thiết của các kỹ năng cũng như kiến thức ngành học sẽ giúp quá trình dạy và học đạt được hiệu quả cao, nâng cao chất lượng giảng dạy và kết quả học tập của sinh viên.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tự học. Đây là một trong những kỹ năng mềm mà Nhà trường chú trọng phát triển, xây dựng, hình thành cho sinh viên đạt yêu cầu của chuẩn đầu ra không chỉ trong từng học phần mà của cả chương trình đào tạo. Việc rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, cùng khả năng tự học ngay từ thời gian học tại trường sẽ trang bị cho sinh viên sự tự tin và chủ động trong việc tiếp cận kiến thức, giúp họ vững vàng hơn khi bước vào môi trường làm việc sau khi ra trường.

Trong suốt quá trình học, kỹ năng làm việc nhóm không chỉ giúp mỗi thành viên đóng góp ý tưởng sáng tạo mà còn hỗ trợ giải quyết các nhiệm vụ

được giao một cách hiệu quả. Khi các thành viên cùng nhau hợp tác và chia sẻ suy nghĩ, nhóm sẽ thu được nhiều thông tin và ý tưởng mới mẻ, từ đó giúp hoàn thành công việc nhanh chóng và dễ dàng hơn.

Mỗi người góp phần nhỏ vào nhiệm vụ chung sẽ giảm bớt căng thẳng, nâng cao hiệu quả học tập và giúp duy trì động lực làm việc. Kỹ năng làm việc nhóm không chỉ tạo ra một không gian làm việc hợp tác mà còn nuôi dưỡng tinh thần đồng đội, tạo cảm hứng để vượt qua các thử thách và tiến tới mục tiêu chung. Khi mỗi cá nhân góp phần của mình vào sự sáng tạo chung, những ý tưởng độc đáo và hấp dẫn sẽ xuất hiện, giúp giải quyết các bài tập hoặc dự án một cách toàn diện.

Thông qua việc làm việc nhóm, sinh viên học cách hỗ trợ lẫn nhau, nâng cao năng lực cá nhân và phát huy điểm mạnh, đồng thời nhận diện và khắc phục điểm yếu của mình. Kỹ năng này giúp sinh viên học hỏi lẫn nhau, tiến bộ cùng nhau và hoàn thiện bản thân. Trong môi trường nhóm, mỗi sinh viên có cơ hội chia sẻ ý kiến, nhận xét, từ đó đánh giá được thế mạnh và điểm yếu của bản thân, qua đó có thể cải thiện hiệu quả hơn trong quá trình học tập cũng như công việc sau này.

thức. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, giảng viên nên đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, khuyến khích học tập hợp tác, học nhóm và áp dụng các hình thức học trực tuyến. Đồng thời, cần định hướng sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học để phát triển tư duy sáng tạo và khả năng tự học, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Giảng viên cần đa dạng hóa hình thức đánh giá như dự án, thực hành, tình huống thực tế, kết hợp đánh giá quá trình qua bài tập nhóm, thuyết trình. Phát triển công cụ như rubrics, phần mềm và mô phỏng để hỗ trợ đánh giá. Tham gia tập huấn, hội thảo để nâng cao năng lực chuyên môn, đồng thời hợp tác với doanh nghiệp tổ chức thực tập và mời chuyên gia tham gia đánh giá. Việc chuyển đổi cần thực hiện từng bước, thử nghiệm trên một số môn học và cải tiến dựa trên phản hồi. Những giải pháp này đảm bảo chất lượng đào tạo gắn với thực tiễn.

- Một yếu tố quyết định đến chất lượng giảng dạy là trình độ và năng lực sư phạm của giảng viên. Vai trò của giảng viên không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn là người “kiến trúc sư” thiết kế bài giảng và là “nghệ sĩ”, “diễn viên” tạo ra không gian học tập hấp dẫn và lôi cuốn. Để thành công trong công tác giảng dạy, giảng

viên cần là tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống và phương pháp làm việc, từ đó khơi dậy niềm tin và sự tôn trọng từ sinh viên.

- Để có phương pháp giảng dạy hiệu quả, giảng viên cần tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và sự am hiểu sâu rộng. Những kinh nghiệm này giúp bài giảng trở nên sinh động, thuyết phục và dễ tiếp cận hơn, tránh được sự khô cứng trong lý thuyết. Đồng thời, kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn và thực tiễn sẽ giúp giảng viên truyền tải kiến thức một cách rõ ràng và sâu sắc, đặc biệt trong các môn học chuyên ngành. Điều này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các vấn đề học tập mà còn tạo ra động lực và cảm hứng để họ tích cực học hỏi và rèn luyện.

c) Đối với sinh viên

- Thành thạo kiến thức chuyên ngành và trang bị đầy đủ những kỹ năng cốt lõi cần thiết, tạo nền tảng vững chắc cho nghề nghiệp.

Đây là một trong những yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của phương pháp giảng dạy tiếp cận năng lực người học. Sinh viên khi đăng ký theo ngành học, cần được giảng viên chuyên ngành nói riêng và Khoa chuyên môn nói chung, truyền thụ tới sinh viên nắm được các thông tin cơ bản về ngành học như

b) Đối với giảng viên

- Cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy trong quá trình cải cách giáo dục. Trong lộ trình đổi mới toàn diện, giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện các phương pháp giảng dạy mới. Họ không chỉ cần có kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn phải trang bị kiến thức sư phạm sâu rộng để có thể truyền tải bài giảng một cách rõ ràng, dễ hiểu, và ứng dụng vào các bài tập, bài ôn và đánh giá người học. Khi kết hợp kiến thức và sự nhiệt huyết trong giảng dạy, giảng viên sẽ tạo ra một môi trường học tập hiệu quả, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách toàn diện.

- Cập nhật kiến thức mới, áp dụng các PP giảng dạy hiện đại và kỹ năng cốt lõi trong giảng dạy.

Để thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, giảng viên cần xác định rõ những vấn đề cần cải cách, bao gồm mục tiêu, nội dung, phương tiện, hình thức tổ chức và phương thức đánh giá. Một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đổi mới này là xây dựng kế hoạch bài giảng nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Giảng viên cần phải nắm vững yêu cầu nội dung giảng dạy, cũng như kiến

thức và kỹ năng cần truyền đạt, để có thể dẫn dắt sinh viên từ dễ đến khó, từ ít đến nhiều. Kỹ năng truyền đạt của giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, sự khéo léo trong công tác giảng dạy là điều không thể thiếu, bởi khi phát huy tính tích cực và chủ động của sinh viên, giảng viên sẽ giúp họ trở thành những chủ thể trong quá trình học tập.

Ngày nay, vai trò của giảng viên đã thay đổi: không còn là người duy nhất truyền thụ kiến thức, mà là người hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm, chọn lọc và xử lý thông tin. Giảng viên không xác định vị trí của mình qua quyền lực hay sự độc quyền thông tin, mà qua trí tuệ, kinh nghiệm và khả năng dẫn dắt sinh viên tự học một cách độc lập.

- Khuyến khích đổi mới và sử dụng công nghệ số trong giảng dạy.

Giảng viên cần chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để tối ưu hóa hiệu quả học tập. Kiến thức cơ bản trong bài giảng có thể được đăng tải lên mạng nội bộ, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động nghiên cứu. Trong giờ học, giảng viên chỉ cần làm rõ những phần lý thuyết khó, đồng thời dành thời gian cho việc phân tích sâu hơn và mở rộng các ứng dụng thực tiễn của kiến

với các doanh nghiệp và tổ chức trong ngành để sinh viên có thể tiếp cận thực tế, tham gia vào các dự án và nhận được đánh giá thực tế về kỹ năng nghề nghiệp.

Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các chương trình thực tập, tham quan doanh nghiệp, hoặc các khóa học ngắn hạn được tổ chức tại các doanh nghiệp.

- Xây dựng mô hình giảng dạy hợp tác với doanh nghiệp:

Giảng dạy theo dự án thực tế với doanh nghiệp: Hợp tác với các doanh nghiệp để sinh viên thực hiện các dự án thực tế. Doanh nghiệp sẽ cung cấp các tình huống thực tế, và sinh viên sẽ làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề, sau đó nhận phản hồi từ doanh nghiệp về kết quả công việc.

Chương trình học gắn liền với thực tập dài hạn: Tổ chức các kỳ thực tập dài hạn (6 tháng hoặc 1 năm) tại các doanh nghiệp, nơi sinh viên sẽ học và làm việc như nhân viên thực thụ, từ đó phát triển năng lực nghề nghiệp ngay trong môi trường làm việc thực tế.

- Chuyển đổi mô hình giáo dục theo dự án:

Mô hình học theo dự án: Thay vì giảng dạy theo các môn học riêng lẻ, trường có thể áp dụng mô hình học theo dự án, nơi sinh viên tham gia vào các dự

án lớn kéo dài trong suốt học kỳ hoặc học năm, kết hợp lý thuyết và thực hành. Mỗi dự án sẽ bao gồm các vấn đề thực tế từ các lĩnh vực nghề nghiệp, giúp sinh viên phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, và giao tiếp.

Giảng viên là người hướng dẫn, không phải người dạy chính: Vai trò của giảng viên sẽ chuyển từ người truyền đạt kiến thức sang người hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên:

Tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp: Trường có thể xây dựng các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội phát triển ý tưởng kinh doanh từ những gì học được. Các khóa học về khởi nghiệp, tài chính, quản lý dự án, cùng với sự hỗ trợ từ các nhà đầu tư và chuyên gia ngành, sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực tế và kiến thức quản lý cần thiết cho tương lai.

Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp: Tạo ra các cuộc thi khởi nghiệp dành cho sinh viên, khuyến khích họ phát triển các ý tưởng kinh doanh hoặc sản phẩm đổi mới sáng tạo từ những kiến thức đã học.

viên, và đổi mới phương pháp đánh giá nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của người học và thị trường lao động.

3.3. Giải pháp nâng cao giảng dạy theo tiếp cận năng lực tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

a) Đối với cơ sở giáo dục

- Cải tiến chương trình đào tạo:

Cập nhật nội dung giảng dạy để phù hợp với yêu cầu thị trường lao động, đặc biệt trong các ngành như cơ khí, điện tử và công nghệ mới (in 3D, tự động hóa công nghiệp).

Tích hợp các tình huống thực tế và dự án thực hành vào chương trình học để sinh viên có thể áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, tăng cường mối liên kết với các doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập và tham gia các dự án công nghiệp.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy:

Tăng cường các hoạt động học tập mang tính tương tác cao, chẳng hạn như học theo dự án nhóm, thực hành tại xưởng và tham gia các kỳ thực tập thực tế.

Áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, chú trọng rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, tự học và giải quyết vấn đề của sinh viên.

- Đổi mới phương pháp đánh giá:

Phát triển và triển khai hình thức

đánh giá đa dạng, bao gồm đánh giá qua dự án nhóm, bài tập thực hành, tham gia thực tập công nghiệp, thay vì chỉ đánh giá qua lý thuyết.

Áp dụng các công cụ đánh giá phù hợp với cách tiếp cận năng lực, như bài tập thực tế, các tình huống mô phỏng, và thảo luận nhóm.

- Tăng cường đào tạo và hỗ trợ giảng viên:

Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo, chương trình tập huấn về phương pháp giảng dạy theo tiếp cận năng lực, giúp giảng viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về phương pháp này.

Khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình phát triển chuyên môn và cung cấp cơ hội cho họ tiếp cận thực tế trong ngành nghề để cải thiện khả năng giảng dạy.

- Đầu tư cơ sở vật chất:

Đảm bảo đủ trang thiết bị và phòng thí nghiệm hiện đại cho các hoạt động thực hành, nghiên cứu và học tập.

Đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở vật chất, đảm bảo rằng các thiết bị không bị thiếu hụt hoặc quá tải, giúp sinh viên có đủ thời gian và cơ hội để thực hành các kỹ năng cần thiết.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp:

Thiết lập các mối quan hệ đối tác

b) Chương trình học chưa cập nhật theo xu hướng thị trường

- **Hạn chế:** Nội dung giảng dạy còn lạc hậu, chưa bắt kịp với các công nghệ và kỹ năng mới mà thị trường lao động đòi hỏi, đặc biệt trong các ngành kỹ thuật như cơ khí và điện tử.

- **Nguyên nhân:** Việc cập nhật nội dung học tập chưa được ưu tiên hoặc thiếu nguồn lực để thực hiện. Quy trình cải tiến chương trình có thể còn chậm và giảng viên chưa kịp cập nhật, nâng cao kiến thức về các công nghệ và kỹ thuật mới.

c) Hình thức đánh giá chưa toàn diện

- **Hạn chế:** Hình thức đánh giá chủ yếu dựa trên kiểm tra lý thuyết, chưa chú trọng đến việc đánh giá kỹ năng thực hành và khả năng giải quyết vấn đề thực tế của sinh viên.

- **Nguyên nhân:** Thiếu các phương pháp và công cụ đánh giá phù hợp với cách tiếp cận năng lực, như đánh giá qua dự án hoặc thực tập. Ngoài ra, việc chuyển đổi từ đánh giá lý thuyết sang đánh giá thực hành đòi hỏi sự đầu tư về thời gian và tài nguyên mà nhà trường chưa đáp ứng đủ.

d) Thiếu sự chuẩn bị và hỗ trợ cho giảng viên

- **Hạn chế:** Giảng viên gặp khó khăn trong việc áp dụng phương pháp tiếp cận năng lực do chưa có đủ kỹ năng và

kiến thức để giảng dạy theo hướng này.

- **Nguyên nhân:** Nhà trường chưa có đủ các chương trình đào tạo và hỗ trợ giảng viên về phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Ngoài ra, nhiều giảng viên không có điều kiện tiếp cận thực tế hoặc thiếu thời gian để tự cập nhật và phát triển chuyên môn.

e) Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ cho dạy học thực hành

- **Hạn chế:** Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất cho các buổi học thực hành, dẫn đến sinh viên không có điều kiện để thực hành kỹ năng một cách hiệu quả.

- **Nguyên nhân:** Nguồn tài chính cho đầu tư cơ sở vật chất còn hạn chế hoặc quy trình đầu tư, bảo trì thiết bị chậm trễ. Sự thiếu hụt này dẫn đến việc sinh viên phải chia sẻ thiết bị, hạn chế thời gian thực hành và ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Những hạn chế này là kết quả của nhiều nguyên nhân như chương trình đào tạo chưa cập nhật, thiếu sự kết nối với doanh nghiệp, hạn chế trong phương pháp đánh giá và quản lý nguồn lực không hiệu quả. Để khắc phục, nhà trường cần thực hiện các giải pháp tổng thể như cải tiến chương trình học, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng

công nghệ và yêu cầu mới từ thị trường lao động. Một số sinh viên ngành cơ khí cho biết, chương trình học vẫn sử dụng các tài liệu cũ và chưa phản ánh được công nghệ hiện đại như in 3D hay tự động hóa công nghiệp. Điều này chỉ ra rằng việc cập nhật giáo trình và nội dung học tập là cần thiết để sinh viên có thể theo kịp xu hướng nghề nghiệp.

c) Phương pháp đánh giá và phát triển năng lực: Tới 80% sinh viên cho rằng các bài kiểm tra vẫn chỉ tập trung vào lý thuyết, chưa đánh giá đầy đủ khả năng thực hành và kỹ năng giải quyết vấn đề. Một số sinh viên đề xuất nên tăng cường hình thức đánh giá qua dự án nhóm, bài tập thực hành tại xưởng, hoặc tham gia các kỳ thực tập công nghiệp để phát triển năng lực làm việc thực tế.

d) Nhận thức và kỹ năng của giảng viên: Có 40% giảng viên tham gia khảo sát cho biết họ gặp khó khăn trong việc thiết kế bài giảng theo hướng phát triển năng lực vì thiếu kinh nghiệm thực tế hoặc không được đào tạo chuyên sâu về phương pháp này. Một số giảng viên cho rằng cần có thêm các khóa đào tạo, hội thảo hoặc các chương trình tập huấn để tăng cường năng lực giảng dạy theo cách tiếp cận mới.

e) Khó khăn và thách thức trong việc triển khai: Khoảng 60% giảng

viên và sinh viên cho rằng cơ sở vật chất hiện tại chưa đáp ứng đủ cho việc giảng dạy thực hành. Một giảng viên ngành điện tử chỉ ra rằng, nhiều phòng thí nghiệm thiếu trang thiết bị, sinh viên thường phải chia sẻ thiết bị, dẫn đến thời gian thực hành bị giới hạn và ảnh hưởng đến khả năng nắm vững kỹ năng của sinh viên.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Dựa trên phân tích dữ liệu khảo sát, có thể rút ra các hạn chế chính trong phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực người học tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định cùng với nguyên nhân như sau:

a) Hạn chế về tính thực tiễn trong giảng dạy

- **Hạn chế:** Phương pháp giảng dạy hiện tại vẫn chủ yếu dựa vào lý thuyết và chưa có nhiều hoạt động thực hành thực tế. Điều này làm giảm khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn của sinh viên.

- **Nguyên nhân:** Chương trình học chưa được thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm, thiếu các tình huống học tập thực tế và dự án thực hành. Đồng thời, thiếu sự kết nối với các doanh nghiệp để tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận với các yêu cầu thực tế của công việc.

tiềm năng vô tận và mở rộng chân trời cơ hội trong cuộc sống.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, bao gồm:

a) Phỏng vấn chuyên gia: Tiến hành phỏng vấn các giảng viên, chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để thu thập quan điểm và đề xuất về việc cải thiện phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực.

b) Khảo sát sinh viên:

- **Số lượng sinh viên khảo sát:** 200 sinh viên, chiếm 20% tổng số sinh viên toàn trường.

- **Ngành đào tạo:** Sinh viên thuộc các ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử và Công nghệ Kỹ thuật Ô tô.

- **Phương pháp lấy mẫu:** Áp dụng phương pháp lấy mẫu phân tầng ngẫu nhiên. Tỷ lệ chọn mẫu dựa trên quy mô sinh viên từng ngành, đảm bảo tính đại diện.

- **Đặc điểm mẫu khảo sát:** Sinh viên từ năm nhất đến năm cuối, với tỷ lệ đồng đều.

c) Phân tích dữ liệu: Sử dụng phần mềm thống kê để phân tích kết quả

khảo sát, từ đó đưa ra các kết luận và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Bằng cách kết hợp các phương pháp nghiên cứu này, nghiên cứu sẽ cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình hiện tại và những giải pháp có thể áp dụng để nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng giảng dạy theo tiếp cận năng lực tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

a) Hiệu quả của phương pháp giảng dạy hiện tại: Từ kết quả khảo sát, 70% sinh viên cho rằng phương pháp giảng dạy hiện tại vẫn mang nặng lý thuyết và thiếu các hoạt động thực hành phù hợp. Sinh viên thường cảm thấy khó áp dụng kiến thức vào thực tiễn, và nhiều người trong số họ mong muốn các buổi học có tính tương tác cao hơn, chẳng hạn như qua các tình huống thực tế hoặc dự án thực hành liên quan trực tiếp đến ngành nghề.

b) Tính phù hợp của chương trình học và nội dung giảng dạy: Khoảng 65% sinh viên đánh giá nội dung giảng dạy chưa cập nhật với các

còn yêu cầu họ biết vận dụng tri thức để giải quyết các tình huống thực tế. Khi tổng hợp lý thuyết về phương pháp này, có thể nhận diện được năm đặc tính cơ bản của nó, đó là:

1. TCNL dựa trên triết lý người học là trung tâm.

2. TCNL không chỉ đáp ứng các yêu cầu của chính sách mà còn mở ra con đường mới, kết nối lý tưởng giáo dục với thực tiễn xã hội, tạo nên những thay đổi tích cực và bền vững.

3. TCNL là định hướng cuộc sống thật.

4. TCNL là rất linh hoạt và năng động.

5. Các tiêu chuẩn về năng lực được xây dựng một cách rõ ràng, minh bạch, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện.

Những đặc tính nổi bật của tiếp cận năng lực (TCNL) mang đến những ưu điểm sâu sắc và vượt trội:

1. TCNL khuyến khích cá nhân hóa việc học: Bằng việc áp dụng mô hình năng lực, người học có thể tự điều chỉnh và bổ sung những khía cạnh còn thiếu sót của bản thân, từ đó tự tin và hiệu quả hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

2. TCNL tập trung vào kết quả đầu ra: Chứ không chỉ là quá trình, TCNL hướng tới việc đạt được những kết quả rõ ràng, đo lường được, và có ý nghĩa thực tiễn, phản ánh chính xác khả năng của người học.

3. TCNL tạo ra sự linh hoạt trong việc đạt được mục tiêu: Người học có thể lựa chọn con đường riêng biệt, phù hợp với đặc thù và hoàn cảnh cá nhân để vươn tới các kết quả đầu ra một cách hiệu quả và sáng tạo.

4. TCNL giúp xác định rõ ràng mục tiêu và tiêu chuẩn đo lường thành quả: Với sự rõ ràng này, việc đánh giá trở nên minh bạch và có cơ sở vững chắc, đảm bảo chất lượng và sự công bằng trong quá trình giáo dục.

Với những ưu điểm vượt trội nêu trên, TCNL không chỉ là một phương pháp giáo dục mà còn là công cụ mạnh mẽ giúp xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo trên toàn cầu, được các nhà hoạch định chính sách giáo dục và phát triển nguồn nhân lực đặc biệt quan tâm và áp dụng.

Như vậy, TCNL là hướng đi đúng đắn cho giáo dục của mọi quốc gia. Nhằm trao tặng người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ tinh túy, tương xứng với năng lực mà họ sẽ sở hữu sau một hành trình giáo dục, từ đó khơi dậy

động. Mục tiêu của quá trình dạy học là giúp người học có thể vận dụng tri thức vào thực tiễn, giải quyết các tình huống thực tế một cách hiệu quả.

Trong chương trình giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực, việc xây dựng các mục tiêu học tập phải căn cứ vào năng lực mà người học cần đạt được. Người dạy cần thiết kế hoạt động học tập sao cho người học có thể tự hoàn thành nhiệm vụ nhận thức dưới sự hướng dẫn của thầy cô, từ đó phát triển năng lực và phẩm chất của bản thân. Mô hình này giúp người học không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển toàn diện các năng lực cần thiết để thực hiện tốt công việc trong tương lai.

Tóm lại, dạy học theo định hướng phát triển năng lực là một hành trình giáo dục sâu sắc, nhằm khai phóng và nuôi dưỡng tối đa tiềm năng của người học. Phương thức này không chỉ giúp học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế công việc, mà còn truyền cảm hứng sống có trách nhiệm, góp phần tạo dựng thành công bền vững trong cuộc sống, tất cả đều dựa trên nguyên lý:

- Học đi đôi với hành;
- Lý luận gắn với thực tiễn;
- Giáo dục trong trường hòa cùng giáo dục gia đình và xã hội tạo thành

một mối liên kết vững chắc, xây dựng nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân.

b) Khái niệm tiếp cận năng lực [4, 6]

Tiếp cận theo năng lực là một phương pháp giáo dục hiện đại, xây dựng mô hình đào tạo tập trung vào khả năng thực hiện của người học. Trong đó, kiến thức, kỹ năng và thái độ được tích hợp và phát triển trong chính bản thân người học, từ quá trình giáo dục, đào tạo đến bồi dưỡng. Mô hình này đặc biệt phù hợp với mục tiêu giáo dục và rất thích hợp cho các trường đại học cũng như các cơ sở đào tạo nghề. Kết quả đầu ra không chỉ là những thành quả học thuật mà còn phải được đánh giá qua năng lực thực tế của người học.

Điều này đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải xác định rõ chuẩn đầu ra, từ đó có thể đo lường và lượng hóa chất lượng giáo dục theo phương pháp tiếp cận năng lực. Phương pháp này được hiểu như một triết lý, nguyên tắc xuyên suốt quá trình đào tạo, nhằm hình thành và phát triển năng lực cho người lao động, giúp họ tự tin ứng dụng các kỹ năng cốt lõi và kỹ năng chung vào thực tế.

Tiếp cận năng lực không chỉ khuyến khích người học ghi nhớ, mà

khác nhau”. Phạm Minh Hạc đã định nghĩa năng lực là “khả năng làm việc, mức độ làm được và chất lượng công việc của người đó”. Thông thường, năng lực còn được gọi là khả năng hay “tài”. Trong giáo dục học, năng lực là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, thể hiện qua những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để cá nhân tham gia hiệu quả vào các hoạt động trong một lĩnh vực cụ thể.

Để đánh giá năng lực trong giáo dục, không chỉ cần xét đến việc người học có kiến thức và kỹ năng, mà còn cần xem xét khả năng áp dụng những kiến thức đó vào thực tế. Năng lực trong giáo dục không chỉ được đo bằng kiến thức, mà còn bằng kết quả hành động của người học trong các tình huống thực tiễn. Việc phát triển năng lực có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu rộng, bởi nó giúp mỗi cá nhân lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, làm việc hiệu quả và đạt được sự hài lòng trong công việc.

Mô hình năng lực có thể được chia thành các loại cụ thể, bao gồm:

1. Năng lực chuyên môn: Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, đánh giá kết quả một cách độc lập và chính xác. Nó bao gồm khả năng tư duy logic, phân tích, tổng hợp, nhận diện các mối quan hệ trong công việc.

2. Năng lực phương pháp: Là khả năng áp dụng các phương pháp có kế hoạch để giải quyết vấn đề, xử lý thông tin và truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả.

3. Năng lực xã hội: Là khả năng giao tiếp, phối hợp và hợp tác với người khác trong các tình huống xã hội. Năng lực này còn bao gồm khả năng giải quyết xung đột và thực hiện các hành động có trách nhiệm trong cộng đồng.

4. Năng lực cá thể: Là khả năng nhận thức bản thân, phát triển năng khiếu cá nhân và lập kế hoạch cho cuộc sống riêng. Nó liên quan đến những giá trị đạo đức và động lực cá nhân trong hành vi ứng xử.

Các yếu tố này kết hợp lại tạo thành năng lực hành động của con người. **Năng lực nghề nghiệp** là sự phù hợp giữa đặc điểm tâm lý và sinh lý của cá nhân với yêu cầu nghề nghiệp. Nó không phải là phẩm chất bẩm sinh mà là kết quả của quá trình học tập và lao động. Qua thời gian, năng lực nghề nghiệp sẽ được phát triển và hoàn thiện.

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực không chỉ là truyền đạt kiến thức mà còn là phát triển năng lực hành động, tức là khả năng thực hiện các nhiệm vụ, giải quyết vấn đề trong những tình huống cụ thể. Điều này đòi hỏi người học không chỉ có kiến thức mà còn cần có kỹ năng và sự sẵn sàng hành

triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phù hợp với những đòi hỏi của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Bài viết này đi sâu vào các phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng những yêu cầu cấp bách của đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ CỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực người học được áp dụng rộng rãi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động. Các nghiên cứu cho thấy, việc phát triển năng lực của người học giúp họ tự tin ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, gia tăng tính sáng tạo và khả năng thích nghi. Ở Việt Nam, nhiều trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã triển khai phương pháp tiếp cận năng lực nhằm cải tiến quá trình dạy học, tuy nhiên việc áp dụng vẫn gặp nhiều thách thức liên quan đến công tác thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá. Trong

nghiên cứu của tác giả Trần Thị Tuyết Oanh và Nguyễn Thị Kim Liên [5], dạy học phát triển năng lực chú trọng rèn luyện tư duy, tự học và năng lực thực hiện. Bài viết giới thiệu cách thiết kế giáo án Tâm lý học, Giáo dục học đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động học tập hiệu quả, giúp sinh viên hình thành năng lực cần thiết sau bài học.

2.2. Cơ sở lý thuyết

a) Khái niệm năng lực, năng lực nghề nghiệp [2, 3]

Năng lực là một khái niệm tâm lý phức tạp, bao gồm sự kết hợp của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ và khả năng sẵn sàng hành động. Trong bối cảnh giáo dục, năng lực được hiểu là sự giao thoa giữa tri thức, kỹ năng và thái độ của người học. Các mục tiêu học tập được xác định thông qua năng lực mà người học đạt được sau quá trình học tập. Nội dung chương trình và các hoạt động học tập được thiết kế để phát triển năng lực trong từng môn học cụ thể.

Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, năng lực (competency) đóng vai trò là một yếu tố quan trọng trong cấu trúc nhân cách. Một số tác giả cho rằng: “Người có năng lực là người có thể đạt được hiệu quả và chất lượng công việc cao trong nhiều hoàn cảnh

2045, emphasizing the need to meet diverse labor market demands and enhance the quality of skilled human resources to promote socio-economic development. Nam Dinh University of Technology Education, with its mission to train technical human resources, focuses on aligning training with practical demands, sustainable employment, and inclusive development. The university aims to maximize students' potential, fostering entrepreneurship and innovation. This article analyzes competency-based teaching methods implemented at the university, emphasizing a learner-centered approach to enhance training quality and meet the pressing demands of educational reform in the current context.

Keywords: Education, teaching, competency-based approach, vocation, method.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp giảng dạy dựa trên năng lực của người học đã chứng tỏ hiệu quả trong việc xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Thay vì chỉ truyền tải kiến thức và kỹ năng chuyên môn, phương pháp này còn tập trung phát triển kỹ năng mềm và ý thức trách nhiệm cho người học.

Lấy người học làm trung tâm, phương pháp này khuyến khích họ trở thành chủ động trong quá trình học tập, tham gia các hoạt động thực tế, trải nghiệm sáng tạo và tự học. Đồng thời, người học được rèn luyện khả năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và phát triển nhân cách, giúp họ tự tin và linh hoạt hơn trong môi trường làm việc tương lai.

Trong thực tiễn, tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhiều sinh viên vẫn chưa xác định được rõ ràng mục tiêu, lý

tưởng và động lực nghề nghiệp. Năng lực thích ứng của họ với các hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp còn khó khăn, và phần lớn sinh viên chưa có được nền tảng tri thức cần thiết để phát triển năng lực nghề. Chính vì vậy, nhiều sinh viên còn nhiều hạn chế khi học tập và rèn luyện, thậm chí có những bạn vẫn còn bối rối và lo lắng về lựa chọn nghề nghiệp của mình. Từ đó, sự hứng thú, kết quả học tập và rèn luyện nghề nghiệp của họ bị ảnh hưởng.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định lấy triết lý “Nhân văn - Thực tiễn - Sáng tạo” làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động giáo dục. Mang trong mình sứ mệnh đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế, từ đó đáp ứng nhu cầu của nền giáo dục hiện đại và sự phát triển kinh tế - xã hội. Trường cũng cam kết

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Nguyễn Đình Thi, Trần Quang Thịnh
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định
Email: thispkt@gmail.com, thinhspktn@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/11/2024

Ngày PB đánh giá: 26/11/2024

Ngày duyệt đăng: 26/3/2025

Tóm tắt: Phát triển giáo dục nghề nghiệp là yếu tố then chốt để đạt trình độ giáo dục ngang tầm khu vực và thế giới, cần hướng tới hiện đại, hiệu quả và hội nhập. Quyết định 2239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, nhấn mạnh việc đáp ứng nhu cầu lao động đa dạng, nâng cao chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, với sứ mệnh đào tạo nhân lực kỹ thuật, chú trọng gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, việc làm bền vững và phát triển bao trùm. Nhà trường đặt mục tiêu phát huy tiềm năng người học, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và sáng tạo. Bài viết tập trung phân tích phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực tại trường, nhấn mạnh việc lấy năng lực người học làm trung tâm, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Từ khoá: Giáo dục, giảng dạy, tiếp cận năng lực, nghề nghiệp, phương pháp.

IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF LEARNER-CENTERED COMPETENCY-BASED TEACHING METHODS IN VOCATIONAL EDUCATION AT NAM DINH UNIVERSITY OF TECHNOLOGY EDUCATION

Abstract: Developing vocational education is a key factor to achieve an educational level comparing to the region and the world, aiming for modernity, efficiency, and integration. Prime Ministerial Decision No. 2239/QĐ-TTg approved the Strategy for Vocational Education Development for the 2021–2030 period, with a vision to